

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày 25- 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Hồng Luyến; bà Lê Kim Thủy; ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái; bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Trương Đình Th (tên gọi khác: B, Sáu R), sinh năm 1972; tại huyện Mỹ T, tỉnh S; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh S; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình T (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); vợ: Huỳnh Thị Th; con: Có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 31/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo bản án số 10/2018/HS-ST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2019, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm ngày 12/7/2018, bồi thường xong trách nhiệm dân sự ngày 16/10/2018 (chưa xóa án tích); bị bắt theo Lệnh truy nã từ ngày 21/12/2021 cho

đền nay; bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thảo*: Ông Nguyễn Thanh Hùng. Là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Ngọc Mẫn, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, thành phố Ng, tỉnh H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh S. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

1. Phạm Việt T, sinh năm 1979. Là người làm chứng. Vắng mặt.
2. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1981. Là người làm chứng. Vắng mặt.
3. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1970. Là người làm chứng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/3/2021, bị hại bà Nguyễn Ngọc D đến Cơ quan Công an tỉnh Hậu Giang trình báo vụ việc bà bị bị cáo Trương Đình Th lừa chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng. Cụ thể: Khoảng tháng 2/2020, khi bà đang bán thuốc tây tại nhà thì Trương Đình Th đến mua thuốc. Th giới thiệu mình tên là B, Giám đốc Công ty xây dựng Gia Bảo ở Cồn Khương và hiện chưa có vợ. Sau đó, Th thường xuyên đến nhà bà chơi, thấy Th có địa vị trong xã hội và chưa có vợ nên Diệu đã nảy sinh tình cảm trai gái với Th.

Khoảng tháng 4/2020, Th nói với bà có người cô ruột tên Nguyễn Thị Kim Ngân làm Chủ tịch Quốc hội. Bà Ngân đang cần bán mỏ cát ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, Th kêu bà D hùn tiền mua mỏ cát để cả hai khai thác. Để tạo lòng tin, bị cáo chở bà D đến bãi biển tại thị xã Vĩnh Châu chỉ ra biển và nói mỏ cát dài 15 km, rộng 2,5 km, đồng thời bị cáo đưa cho bà D một Hợp đồng chuyển nhượng mỏ cát, tên người bán là Nguyễn Thị Kim Ngân, tên người mua là Nguyễn Ngọc D. Tin lời bà D đưa cho bị cáo số tiền 500.000.000 đồng để hùn mua mỏ cát trên. Tiếp theo, bị cáo nói với bà D đang đóng 4 chiếc Sà Lan chở cát, mỗi chiếc trị giá 8 tỷ đồng nhưng thiếu tiền, bị cáo kêu D hùn tiền và hứa cho bà D đứng tên 4 chiếc Sà Lan. Tin lời của bị cáo, bà D đã đưa tiền cho bị

cáo thêm 06 lần, với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (Lần thứ 1 đưa 200.000.000 đồng; lần thứ 2 đưa 800.000.000 đồng; lần thứ 3 đưa 250.000.000 đồng; lần thứ 4 đưa 110.000.000 đồng; lần thứ 5 đưa 120.000.000 đồng và lần thứ 6 đưa 20.000.000 đồng). Đến ngày 28/8/2020, bị cáo có ký vào biên nhận khắc phục tiền, theo đó bị cáo có nhận của bà D số tiền 02 tỷ đồng (biên nhận khắc phục tiền do D viết, bị cáo ký tên, có sự chứng kiến của ông Phan Việt T). Sau khi đưa tiền xong, bà D không thấy giấy phép khai thác mỏ cát và đồng thời biết được bị cáo không có đóng Sà Lan, không phải là Giám đốc Công ty xây dựng Gia Bảo ở Cồn Khương, nên bà D trình báo đến Cơ quan Công an yêu cầu giải quyết.

Quá trình điều tra bị cáo Trương Đình Th khai: Tháng 4/2020, có người tên S và tên L rủ bị cáo hùn vốn 900.000.000 đồng để mua mỏ cát và làm bờ đê quốc phòng ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Bị cáo về nói với bà D hùn vốn mua mỏ cát nói trên thì bà D đồng ý và đưa tiền cho bị cáo số tiền 900.000.000 đồng (đưa hai lần, mỗi lần 450.000.000 đồng); bị cáo đưa số tiền này cho S và L, S và L đưa cho bị cáo một hợp đồng chuyển nhượng mỏ cát, bị cáo lấy hợp đồng trên đưa cho bà D. Sau đó, bị cáo liên lạc qua điện thoại với S và L nhưng không được. Biết mình bị lừa nhưng bị cáo không nói thật sự việc trên cho bà D biết. Bị cáo tiếp tục nói với bà D là đang đóng 3 chiếc Sà Lan, mỗi chiếc giá 08 tỷ đồng, kêu bà D hùn tiền, tin lời bà D đã đưa tiền bị cáo số tiền 500.000.000 đồng (đưa hai lần, một lần 300.000.000 đồng, một lần 200.000.000 đồng), bị cáo lấy số tiền này hùn vốn với L mua sắt vụn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền bà D đã đưa cho bị cáo 4 lần là 1.400.000.000 đồng. Bị cáo không thừa nhận việc giới thiệu mình tên B là Giám đốc Công ty xây dựng Gia Bảo ở Cồn Khương, là cháu của Chủ tịch Quốc hội và chưa có vợ. Do có tình cảm trai gái nên khi bà D đưa biên nhận nói bị cáo thiếu D số tiền 2.000.000.000 đồng, bị cáo vẫn chấp nhận ký vào biên nhận, nhưng thực tế bà D đưa và bị cáo chỉ có nhận số 1.400.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra xác minh tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả thể hiện tại địa bàn thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng không có cấp phép khai thác mỏ cát; không có ai tên L và S làm Công ty xây dựng như lời bị cáo trình bày. Mặt khác bị cáo không biết địa chỉ và trong điện thoại di động không lưu tên, số điện thoại của L và S, do đó việc bị cáo trình bày lấy tiền của bà D để mua mỏ cát từ L và S là không có cơ sở; đồng thời bị cáo không thực hiện việc đóng Sà Lan như đã nói với bà D.

Đối với số tiền bà Diệu khai đã đưa cho bị cáo Trương Đình Th để hùn mua mỏ cát và đóng Sà Lan. Bà Nguyễn Ngọc D trình bày đã đưa tiền cho bị

cáo tổng cộng 7 lần, với số tiền 2.000.000.000 đồng. Qua điều tra Cơ quan điều tra chỉ đủ chứng cứ kết luận bị cáo có nhận của bà D số tiền 1.400.000 đồng.

Các tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng thu giữ được:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Đình Th (bản photo).
 - 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc D (bản photo).
 - 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng mỏ cát giữa Nguyễn Thị Kim Ngân và Nguyễn Ngọc D (bản photo).
 - 01 (một) Biên nhận khắc phục tiền ngày 28/8/2020 (bản photo) và bản gốc của Trương Đình Th.
 - 01 (một) Biên bản cam kết khắc phục tiền ngày 14/9/2020 phô tô và bản gốc của Trương Đình Th.
 - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VERTU - s102733, số IMEI: 355715157622978.
 - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, số IMEI: 356731114006745.
 - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, số IMEI: 352850796349001.
 - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 869566047360250, IMEI 2: 869566047360243.
 - Tiền Việt Nam: 22.000.000 đồng.
 - 01 (một) USB bên trong có chứa hai đoạn ghi âm thể hiện việc nói chuyện giữa bà D và Th.
 - 01 (một) Hợp đồng tín dụng của ngân hàng BIDV.
 - 01 (một) Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi của ngân hàng BIDV.
- Ngày 31/5/2022, Cơ quan điều tra đã xử lý hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Th (vợ Th):
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VERTU - s102733, số IMEI: 355715157622978.
 - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, số IMEI: 356731114006745.
 - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, số IMEI: 352850796349001.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 869566047360250, IMEI 2: 869566047360243.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Ngọc D yêu cầu bị cáo Trương Đình Th bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 2.000.000.000 đồng. Trong các ngày 06/6/2021; 03/12/2021; 25/12/2021 và 07/02/2022 bà Huỳnh Thị Th (vợ bị cáo Th) đã thỏa thuận khắc phục thiệt hại cho bà D và đã giao cho bà Diệu 04 lần như nêu trên tổng cộng số tiền là 750.000.000 đồng. Bà D đã nhận xong.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSHG-P1 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Trương Đình Th về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. (Sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, tranh luận giữ nguyên Cáo trạng truy tố, đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trương Đình Th phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Đình Th từ 14 (Mười bốn) năm đến 15 (Mười lăm) năm tù.

Vật chứng vụ án đề nghị: Tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án tất cả các giấy tờ, tài liệu đã thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị: Buộc bị cáo hoàn trả tiếp cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt còn lại chưa khắc phục là 650.000.000 đồng.

Trình bày lời tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, người bào chữa thống nhất hành vi của bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về tình tiết giảm nhẹ, thống nhất như Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo sau khi phạm tội đã thể hiện thái độ ăn năn, hối cải; có tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả; cha bị cáo là người có nhiều thành tích từ thiện ở địa phương. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo có học vấn thấp; hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện tại khó khăn để tuyên mức thấp nhất

của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, thống nhất như đề nghị của Viện kiểm sát chỉ buộc bị cáo hoàn trả số tiền như thừa nhận là 650.000.000 đồng.

Bị hại tại phiên tòa phát biểu: Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự thống nhất như đề nghị của Viện kiểm sát chỉ yêu cầu buộc bị cáo hoàn trả tiếp số tiền chiếm đoạt còn lại tổng cộng là 650.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Th khai: Thống nhất khắc phục hậu quả cho bị cáo số tiền đã giao là 750.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Phát biểu đối đáp: Không ai phát biểu đối đáp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về xét xử vắng mặt: Các ông Phạm Việt T, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Minh Đ tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt.

[3]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do có mối quan hệ quen biết và phát sinh tình cảm trai gái với nhau, nên từ tháng 4/2020 bị cáo Trương Đình Th đã nhiều lần nói với bà Nguyễn Ngọc D là đang hùn vốn kinh doanh khai thác mỏ cát và đóng sà lan chở cát chung với các đối tượng tên S và tên L ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu bà Diệu cùng hùn tiền. Tin lời của Th là thật, bà D đã nhiều lần giao tiền cho Th để thực hiện hùn vốn. Sau mỗi lần nhận được tiền Th không thực hiện thỏa thuận mà sử dụng tiền vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền Cơ quan điều tra chứng minh

được bà Diệu đã giao cho Thảo 4 lần là 1.400.000.000 đồng. Trong đó lần hùn mua mỏ cát đưa 900.000.000 đồng (mỗi lần 450.000.000 đồng); lần hùn đóng sà lan đưa 500.000.000 đồng (lần đưa 300.000.000 đồng, lần đưa 200.000.000 đồng). Xét hành vi lợi dụng sự quen biết, nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền, nên đưa ra thông tin gian dối để được bà Nguyễn Ngọc D giao tiền và chiếm đoạt mà bị cáo Trương Đình Th thực hiện nêu trên có đủ yếu tố phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

[4]. Về số tiền bị cáo chiếm đoạt: Bà Nguyễn Ngọc D khai bị chiếm đoạt tổng số tiền 2.000.000.000 đồng. Bị cáo không thừa nhận chiếm đoạt số tiền như bà D khai, chỉ thừa nhận có chiếm đoạt của bà D 1.400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện có một “Biên nhận khắc phục tiền và biên bản cam kết khắc phục tiền” thể hiện tại bút lục số 160. Nội dung thể hiện bị cáo Trương Đình Th có nợ số tiền 2.000.000.000 đồng và cam kết trả số tiền này trong vòng 06 tháng cho bà Nguyễn Ngọc D. Tuy nhiên quá trình điều tra Th không thừa nhận có nợ bà D số tiền này và lý giải lý do ký vào biên nhận là do có quan hệ tình cảm trai gái nên thống nhất chấp nhận số tiền nợ là 2.000.000.000 đồng như bà D ghi nhưng thực tế chỉ nhận của bà D số tiền 1.400.000.000 đồng. Cơ quan điều tra chứng minh bị cáo không biết chữ (chỉ ký được tên); đoạn ghi âm cuộc trao đổi của Th và bà D đã được giám định, nội dung Th không xác nhận có nợ số tiền 2.000.000.000 đồng như bà D khai; lời khai người làm chứng ông Phạm Việt T (Bút lục số 105, 106) thể hiện: Thời gian ông làm công trình Trạm Y tế phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang có lần uống cà phê với Th, ông có nghe Th nói đang nợ bà D 1.400.000.000 đồng tiền mua bãi cát và đóng sà lan. Nên khi được yêu cầu ký chứng kiến việc nợ tiền của Th đối với bà D ông có đọc lại nội dung tờ “Biên nhận khắc phục tiền” do bà D viết sẵn ghi Th nợ 2.000.000.000 đồng, ông có hỏi thì bà D lý giải do tiền vay của nên có tính lãi. Tại phiên tòa qua thẩm vấn bị cáo vẫn khẳng định chỉ nhận của bà D 1.400.000.000 đồng. Bà Nguyễn Ngọc D không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, ngoài lời khai như tại cơ quan điều tra, với những tài liệu chứng cứ như đã nêu Viện kiểm sát chỉ truy tố và quy trách nhiệm bị cáo Th chiếm đoạt số tiền 1.400.000 đồng (900.000.000 đồng tiền hùn khai thác cát và 500.000.000 đồng tiền hùn mua Sà lan) như thừa nhận của bị cáo là có căn cứ.

[5]. Về khung hình phạt: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại tổng cộng số tiền là 1.400.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét tính nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả gây ra:

[6.1]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện rất liều lĩnh, đã lợi dụng sự quen biết, tình cảm, sự mất cảnh giác của bị hại để lừa chiếm đoạt số tiền tương đối lớn mà không gặp nhiều khó khăn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại lớn về tài sản cho bị hại và gia đình.

[6.2]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên nhận thức được tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm người khác xâm phạm. Ngược lại, do làm ăn thất bại, lại muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo thể hiện tính cố ý. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra xử lý, nên việc đưa bị cáo ra xét xử về hình sự và xử lý mức hình phạt nghiêm khắc là cần thiết, nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và răn đe, phòng ngừa loại tội phạm này tại địa phương.

[7]. Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2018 đã bị Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/5/2019, tới tháng 4/2020 lại tiếp tục phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nghề nghiệp không ổn định (hiện tại làm thuê), đã có gia đình ổn định (có vợ và 04 người con).

[8]. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo trong lần xét xử này bị cáo đã thực hiện 02 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã phạm tội chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[9]. Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có tác động gia đình được vợ bà Huỳnh Thị Th thỏa thuận hoàn trả số tiền 750.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo, nên xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thân nhân cha ruột ông Trương Đình T là người có thành tích trong công tác xã hội tại địa phương, nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10]. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hậu quả thiệt hại gây ra và thái độ khắc phục, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hậu quả gây ra để giáo dục.

[11]. Đối với hành vi của các ông L, S và L người được bị cáo khai có liên quan trong vụ án, nhưng Cơ quan điều tra chưa chứng minh được hành vi phạm tội, Viện kiểm sát không truy tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12]. Phát biểu đề nghị về vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thống nhất căn cứ điều luật và áp dụng mức hình phạt cho bị cáo như đề nghị.

[13]. Về phát biểu bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Hội đồng xét xử thống nhất xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[14]. Vật chứng; tài sản đã thu giữ:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Đình Th (bản photo).
- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc D (bản photo).
- 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng mỏ cát giữa Nguyễn Thị Kim Ngân và Nguyễn Ngọc D (bản photo).
- 01 (một) Biên nhận khắc phục tiền ngày 28/8/2020 (bản photo) và bản gốc của Trương Đình Th.
- 01 (một) Biên bản cam kết khắc phục tiền ngày 14/9/2020 phô tô và bản gốc của Trương Đình Th.
- 01 (một) USB bên trong có chứa hai đoạn ghi âm thể hiện việc nói chuyện giữa bà D và Th.
- 01 (một) Hợp đồng tín dụng của ngân hàng BIDV.
- 01 (một) Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi của ngân hàng BIDV.

Tất cả là những giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ án nên tịch thu tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Tiền Việt Nam: 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng). Thu giữ của bị cáo Th nên tiếp tục tạm giữ giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang quản lý để đảm bảo thi hành trách nhiệm bồi thường của bị cáo Thảo cho bị hại Diệu.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VERTU - s102733, số IMEI: 355715157622978.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, số IMEI: 356731114006745.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, số IMEI: 352850796349001.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 869566047360250, IMEI 2: 869566047360243.

Đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang xử lý trả lại cho chủ sở hữu. Bà Huỳnh Thị Thanh đã nhận xong nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

[15]. Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu buộc bị cáo hoàn trả tiếp số tiền chiếm đoạt còn lại 650.000.000 đồng (đã trừ số tiền đã nhận trước). Bị cáo đồng ý. Xét thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa là tự nguyện và phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận buộc trả số tiền như thỏa thuận.

[16]. Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 268, 269, 293, 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Đình Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Đình Th 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt ngày 21/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Đình Th 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án ngày 25/8/2022.

2. Vật chứng, tài sản đã thu giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ sau:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Đình Th (bản photo).

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc D (bản photo).
- 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng mỏ cát giữa Nguyễn Thị Kim Ngân và Nguyễn Ngọc D (bản photo).
- 01 (một) Biên nhận khắc phục tiền ngày 28/8/2020 (bản photo) và bản gốc của Trương Đình Th.
- 01 (một) Biên bản cam kết khắc phục tiền ngày 14/9/2020 phô tô và bản gốc của Trương Đình Th.
- 01 (một) USB bên trong có chứa hai đoạn ghi âm thể hiện việc nói chuyện giữa bà D và Th.
- 01 (một) Hợp đồng tín dụng của ngân hàng BIDV.
- 01 (một) Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi của ngân hàng BIDV.

2.2. Tiếp tục tạm giữ, giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang quản lý 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để thi hành án.

Tất cả tài sản được xác định theo Biên bản giao, nhận tài liệu, đồ vật, vật chứng ngày 10/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trương Đình Th hoàn trả cho bị hại Nguyễn Ngọc D số tiền đã chiếm đoạt là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Bị cáo Th được khấu trừ số tiền 750.000.000đ (Bảy trăm năm chục triệu đồng) bà Huỳnh Thị Th vợ bị cáo nộp khắc phục hậu quả ngày 13/4/2022, bà D đã nhận xong. Số tiền còn lại bị cáo Trương Đình Th phải hoàn trả tiếp cho bị hại Nguyễn Ngọc D là 650.000.000đ (Sáu trăm năm chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Buộc bị cáo Trương Đình Th chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.